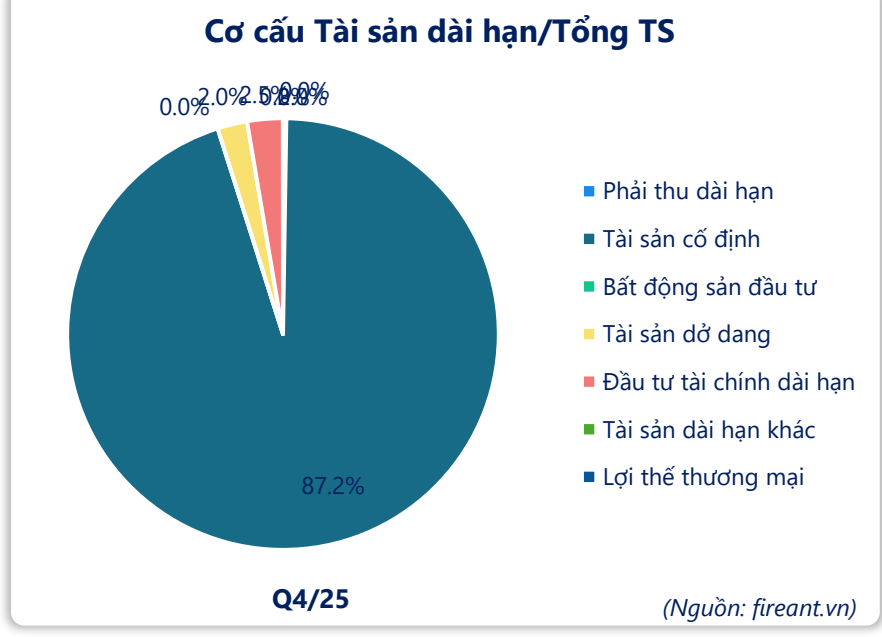
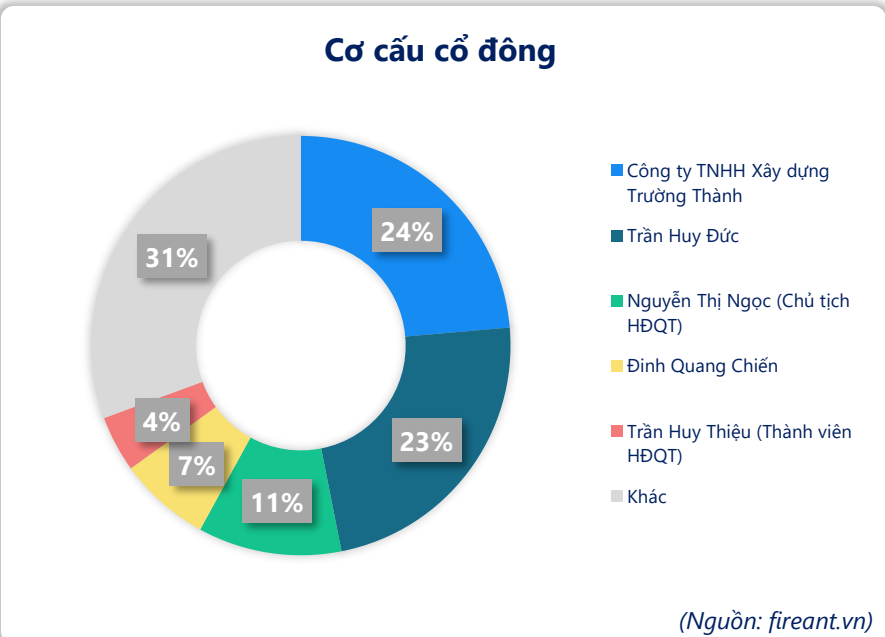
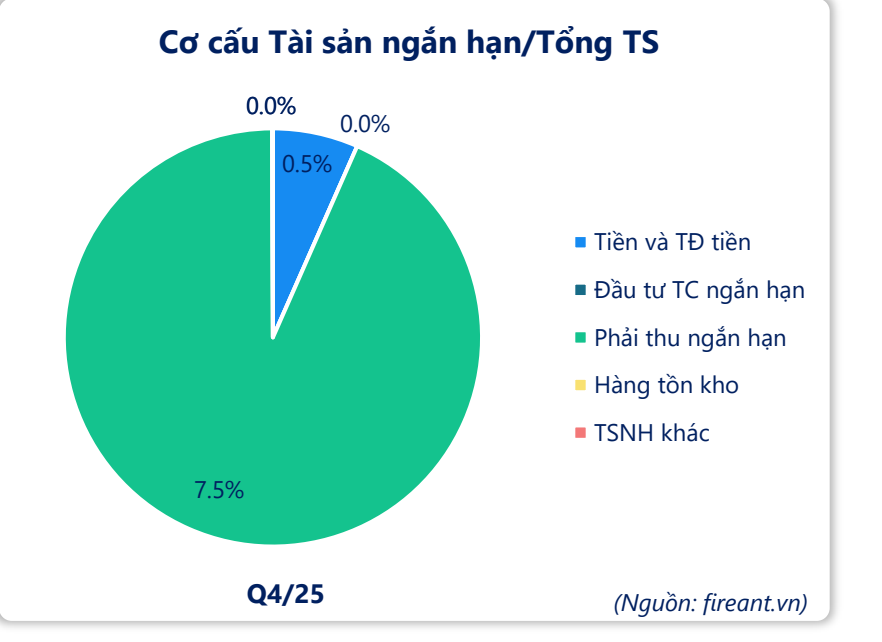
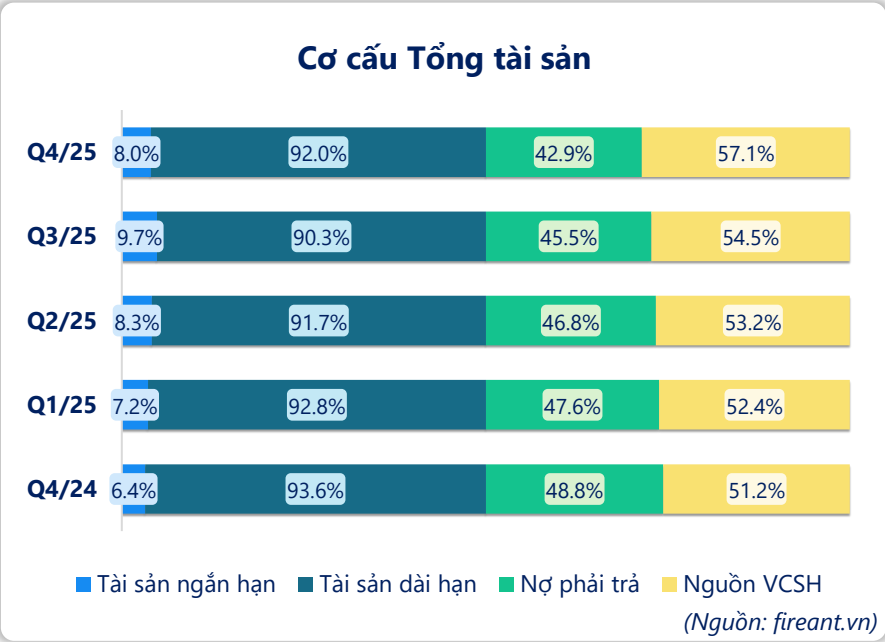
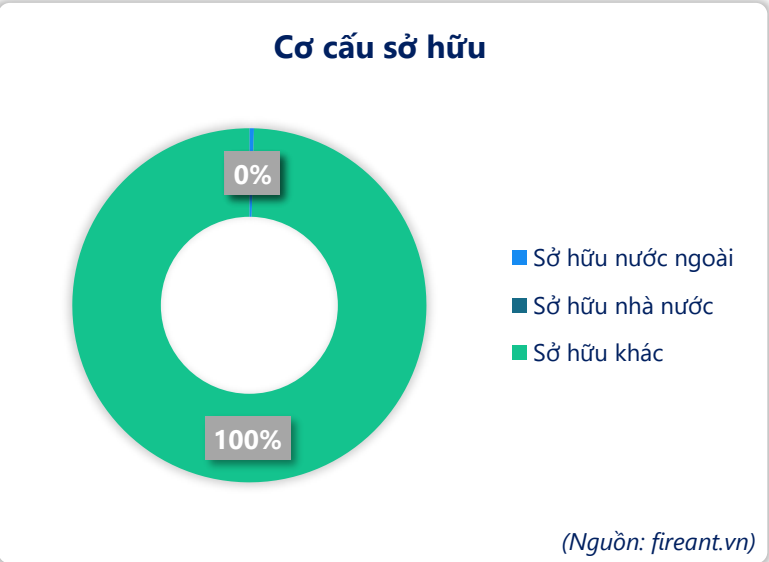
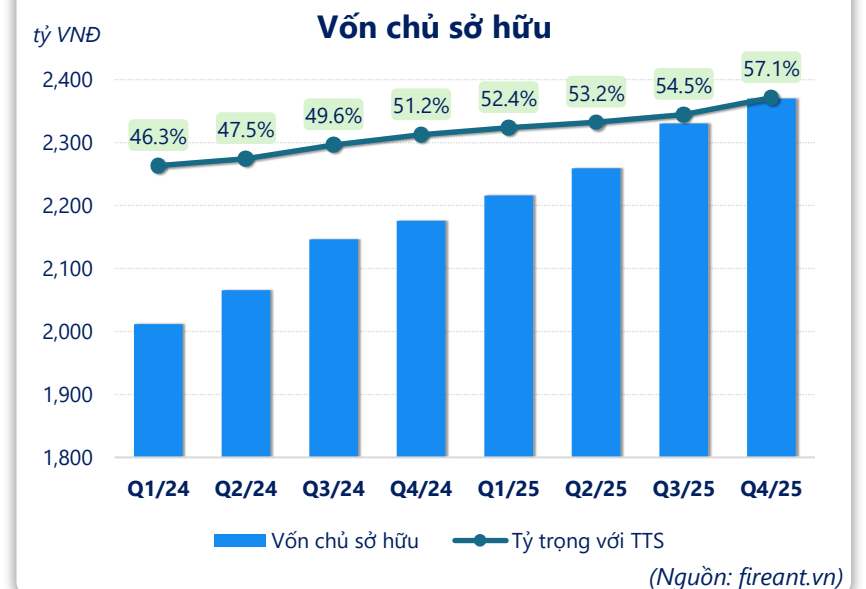
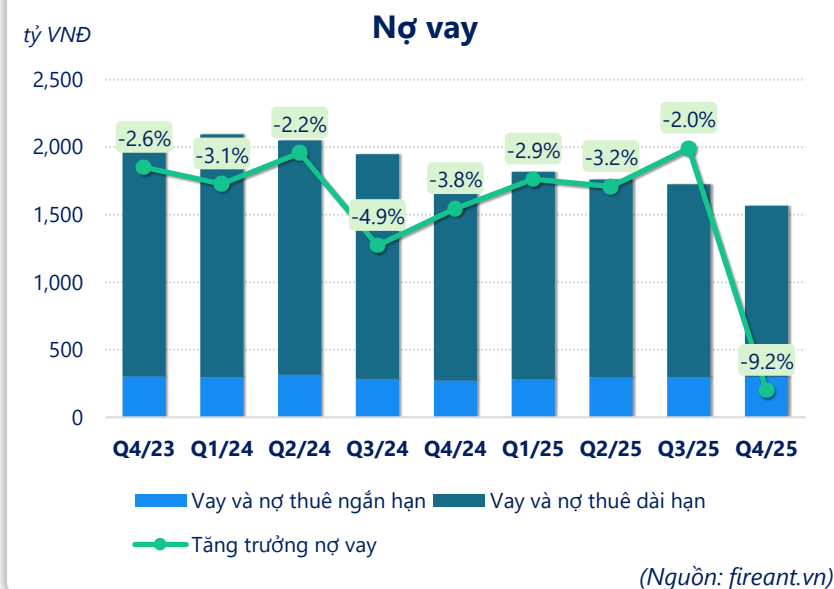
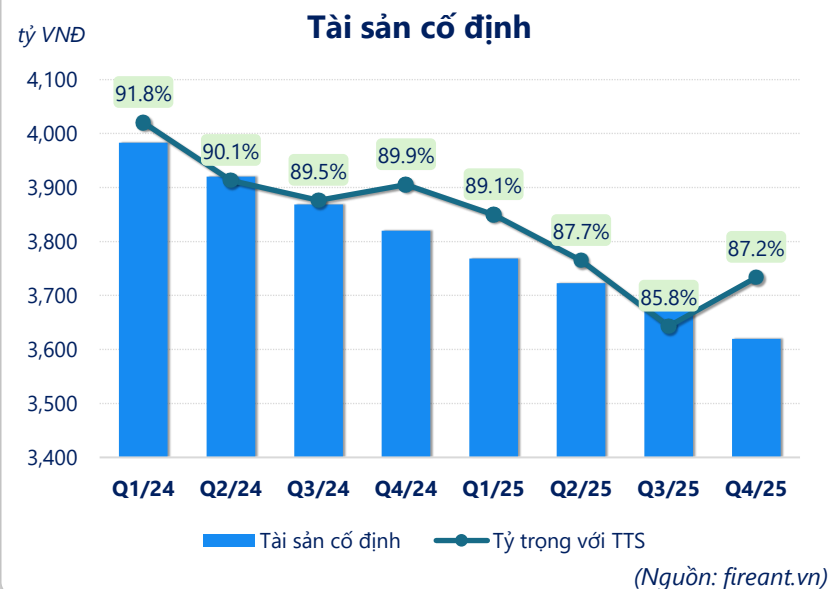
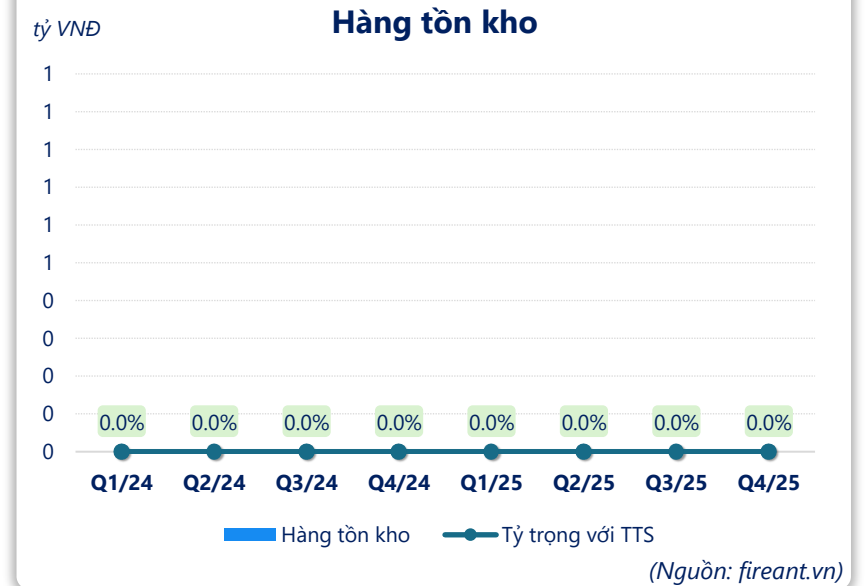
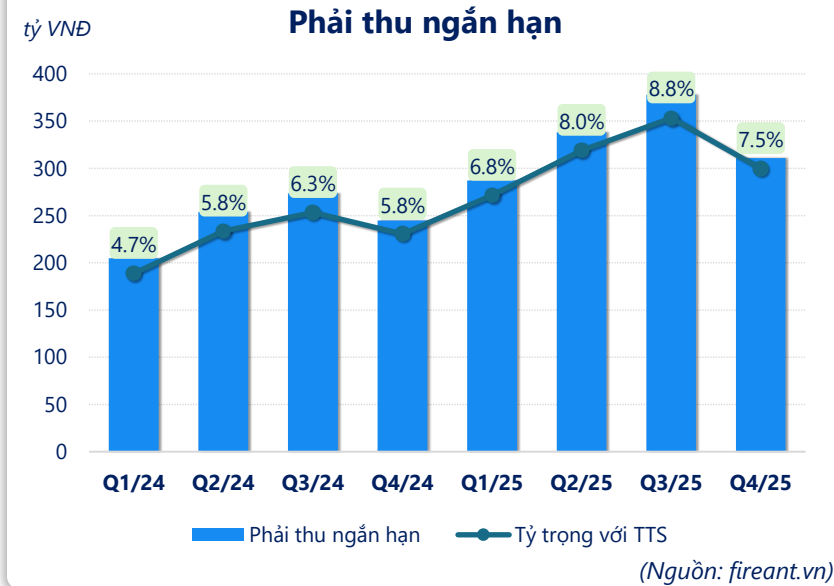
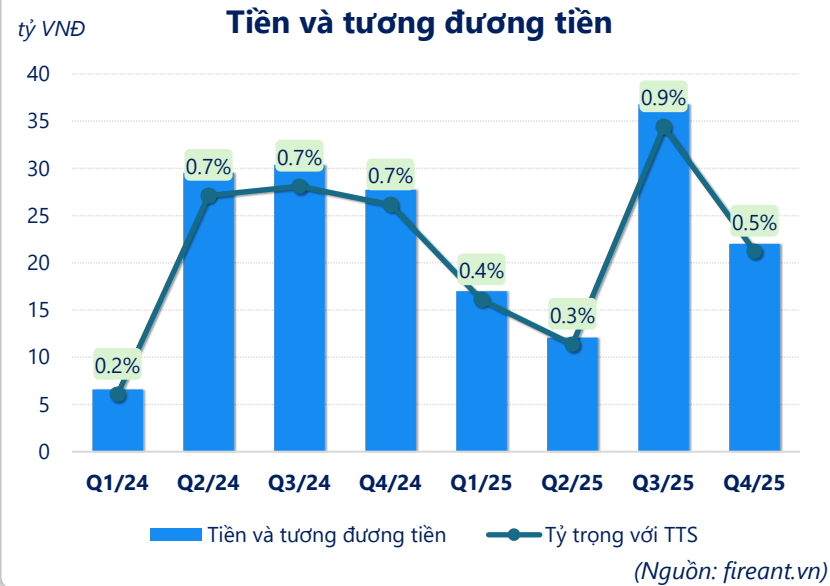
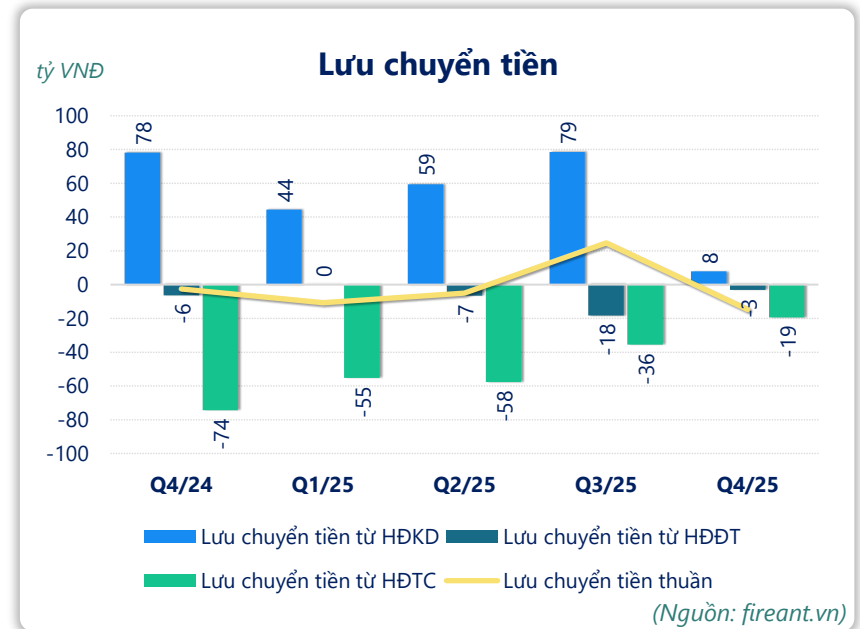
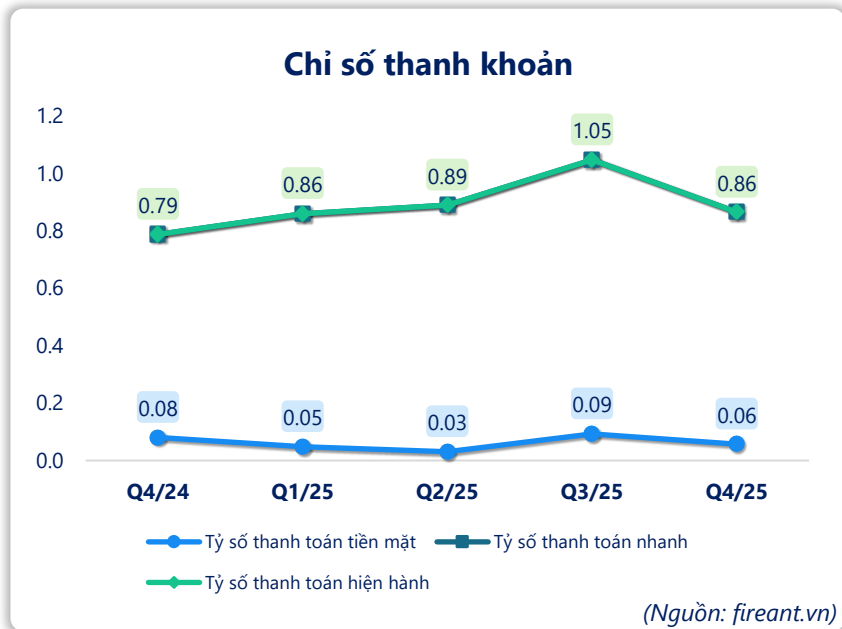
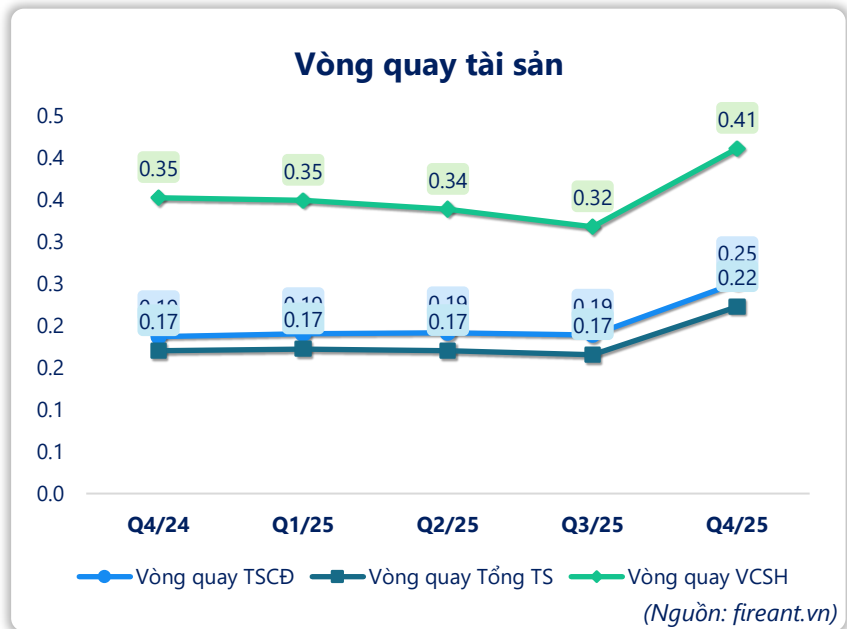
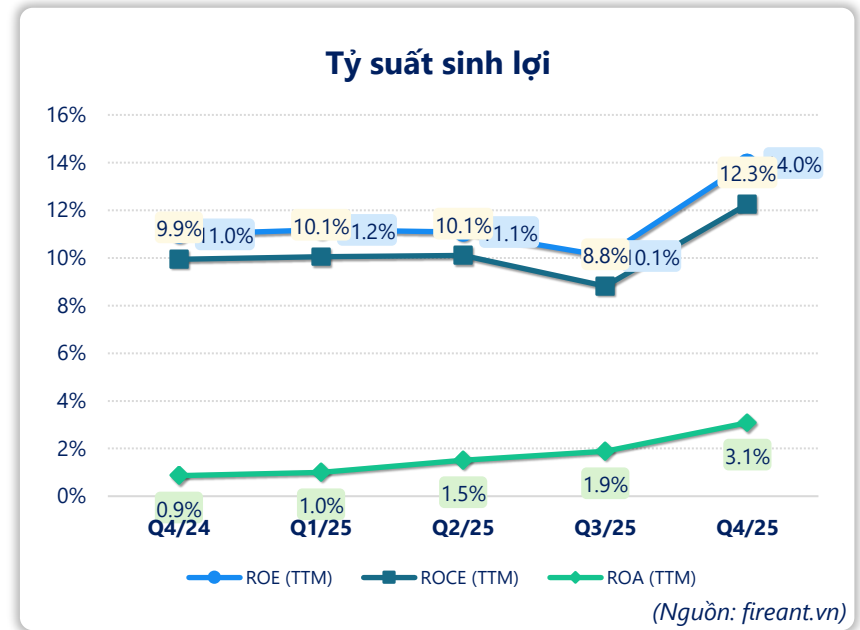
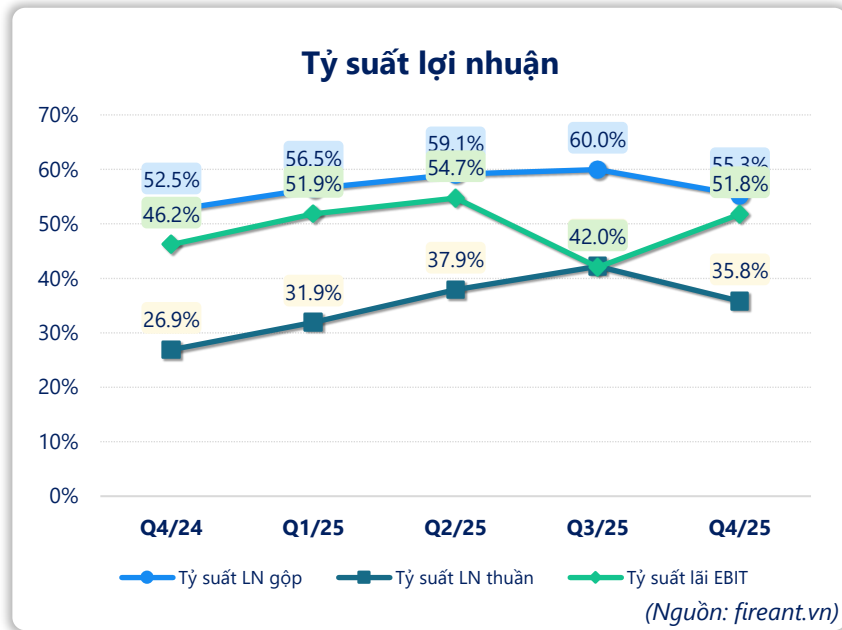
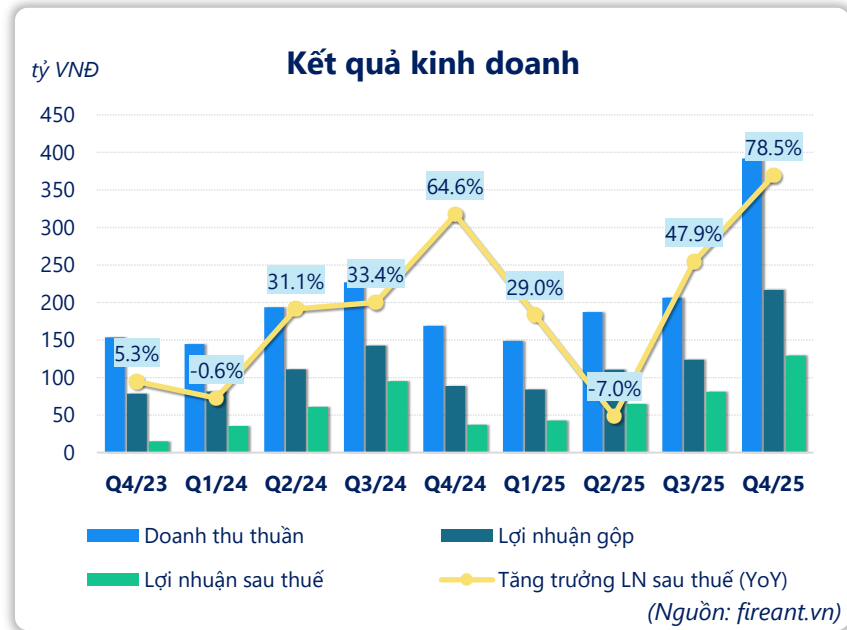


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,238
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,914
SL cổ phiếu LH		178,559,087
KLGD BQ 20 phiên (CP)		110,020
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,893
P/E		6.0
EPS		1,779

	YTD	1T	3T	6T
TTA	-11.3%	-1.1%	-11.3%	4.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,149	4,251	-2.4%
Tài sản ngắn hạn	333	273	22.1%
Tiền và tương đương tiền	22.0	27.7	-20.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	311	245	27.1%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.18	0.43	-57.4%
Tài sản dài hạn	3,816	3,978	-4.1%
Phải thu dài hạn	9.50	0	
Tài sản cố định	3,620	3,820	-5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	84.8	55.1	53.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	102	103	-1.0%
Tài sản dài hạn khác	0.18	0.08	113%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,779	2,072	-14.1%
Nợ ngắn hạn	385	347	11.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	298	274	8.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.60	3.37	36.3%
Nợ dài hạn	1,393	1,725	-19.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,268	1,599	-20.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,370	2,179	8.8%
Vốn chủ sở hữu	2,370	2,179	8.8%
Vốn điều lệ	1,786	1,701	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	169	149	187	206	392
Giá vốn hàng bán	80.2	64.8	76.5	82.6	175
Lợi nhuận gộp	88.6	84.1	111	124	217
Doanh thu HĐTC	0.23	0.01	0.47	0.01	0.62
Chi phí TC	35.2	30.8	33.8	31.5	64.7
Chi phí lãi vay	35.2	30.8	33.8	0	63.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	8.25	5.81	6.29	5.20	12.3
LN thuần từ HĐKD	45.4	47.5	71.0	87.1	140
Lợi nhuận khác	-2.56	-1.10	-2.36	-0.34	-0.95
LN trước thuế	42.8	46.4	68.6	86.8	139
Lợi nhuận sau thuế	37.2	42.8	64.7	80.9	129
LNST của CĐ cty mẹ	37.2	42.8	64.7	80.9	129

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	78.1	44.4	59.5	78.6	7.82
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.30	0.06	-6.60	-18.3	-3.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-74.4	-55.2	-57.8	-35.5	-19.5
Tiền đầu kỳ	30.4	27.7	17.0	12.1	36.8
Lưu chuyển tiền thuần	-2.64	-10.7	-4.94	24.7	-14.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	27.7	17.0	12.1	36.8	22.0

(Nguồn: fireant.vn)